



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2019**

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu 03/8/2005, chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 22/3/2019
- Vốn điều lệ: 143.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 143.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 164 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.36622400 ; fax: 024.36622473
- Website: <http://vinawind.com.vn/>

- Mã cổ phiếu: VNW

#### - **Quá trình hình thành và phát triển:**

+ Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

• Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp điện Cơ Thống Nhất. Năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất động cơ điện của Công ty hợp doanh Điện thông và Điện Cơ Tam quang với tên gọi: Xí nghiệp Điện khí Thống Nhất

• Ngày 17-3-1970 Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có QĐ số 142/QĐ-UB sáp nhập Xí nghiệp Điện khí Thống nhất với Nhà máy Điện cơ Tam quang để thành lập: Xí nghiệp Điện cơ Thống nhất.

• Ngày 10/11/1992 Xí nghiệp Điện cơ Thống nhất được thành lập lại theo QĐ số 388/CP của chính phủ về việc thành lập lại doanh nghiệp nhà nước. (QĐ số 2764/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).

• Tháng 10/2000 Xí nghiệp Điện cơ Thống nhất được đổi tên thành Công ty Điện cơ Thống nhất.

• Tháng 7/ 2005 Công ty Điện cơ Thống nhất được đổi tên thành: Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Điện cơ Thống nhất.

• Tháng 4/ 2012 Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Điện cơ Thống nhất được đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện cơ Thống nhất.

• Năm 2015, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Điện cơ Thống nhất được đổi tên thành Công ty cổ phần Điện cơ Thống nhất theo QĐ số 4116/QĐ-UBND ngày 19/8/2015, với vốn điều lệ là 143.000.000.000 đồng, trong đó vốn thuộc sở hữu Nhà nước là 67.070.000.000đ, chiếm tỷ lệ 46,9% vốn điều lệ;



+ Các sự kiện khác:

- Thực hiện sự chỉ đạo của UBND thành phố về việc thoái phần vốn nhà nước tại công ty. Ngày 30/3/2018, UBND thành phố Hà Nội, sở hữu 6.707.000 cổ phần tại công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất đã thoái toàn bộ vốn Nhà nước đầu tư tại công ty bằng hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX).

- Ngày 26/3/2018, công ty trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1740/UBCK-GSĐC ngày 26/3/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750 (chính)
2.	Sản xuất thiết bị điện khác: • Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ phận khác với dây và kết nối cách điện. • Sản xuất tụ điện, điện trở và các thiết bị tương tự, máy gia tốc	2790
3.	Sản xuất động cơ, tua bin (Trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
4.	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	2220
5.	Đúc kim loại màu	2432
6.	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại	2591
8.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
9.	Sản xuất đồng hồ	2652
10.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác: sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm.	2732
11.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác: - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo. - Sản xuất vòi và van công nghiệp bao gồm van điều chỉnh và vòi thông. - Sản xuất vòi và van vệ sinh	2813
12.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
13.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất đồng hồ bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
14.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
15.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
16.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
17.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
18.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
19.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
20.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
21.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
22.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

STT	Tên ngành	Mã ngành
23.	Sản xuất máy thông dụng khác: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp bao gồm dây truyền và linh kiện chủ yếu. - Sản xuất máy điều hòa nhiệt độ, dùng cho cả mô tô. - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình. - Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái)	2819
24.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
25.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
26.	Sản xuất xe đạp và xe máy cho người tàn tật.	3092
27.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất xe kéo bằng động vật; xe lừa kéo; xe tang; xe cút kít; xe kéo tay; xe đẩy trong siêu thị; và tương tự	3099
28.	Sản xuất giường tủ, bàn, ghế.	3100
29.	Sửa chữa các loại sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
31.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
32.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
38.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
39.	Bán mô tô, xe máy	4541
40.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy: - Hợp đồng bảo dưỡng và sửa chữa ô tô: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động. + Bảo dưỡng thông thường. + Sửa chữa thân xe. + Sửa chữa các bộ phận của ô tô - Hợp đồng bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác. + Bảo dưỡng thông thường. + Sửa chữa thân xe. + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác không thuộc công đoạn sản xuất.	4542
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
42.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
43.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44.	Bán buôn thiết bị điện và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác, chi tiết: Bán buôn	4659

49  
FY  
N  
C  
HẬT  
-TPH

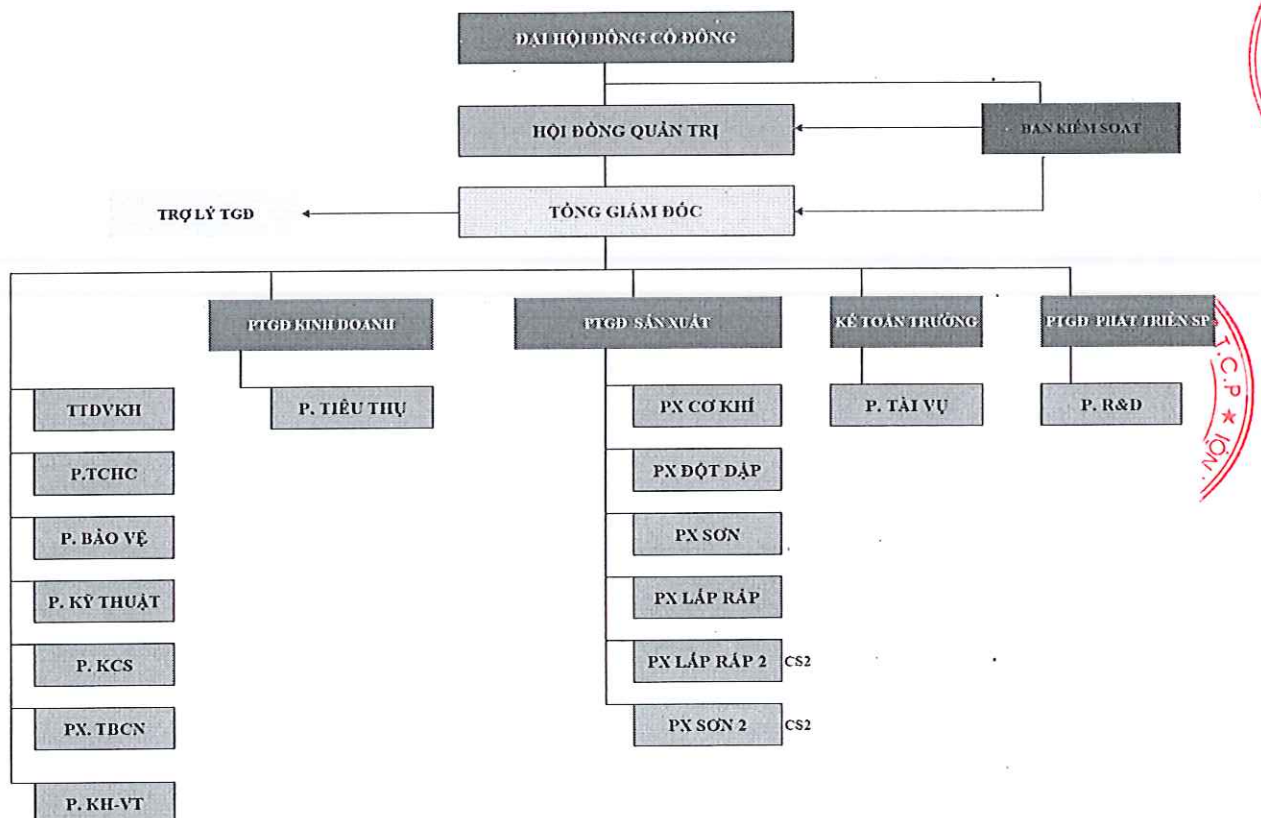


STT	Tên ngành	Mã ngành
	máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4669
49.	Đèn và bộ đèn, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
53.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).	5610
55.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	6810

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong nước.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### - Mô hình quản trị



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyết định cao nhất, có quyền thông qua định hướng phát triển công ty, quyết định các vấn đề về tài chính, kế hoạch phát triển trung và dài hạn của công ty, quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm ...

+ Hội đồng quản trị: do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

+ Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của ban kiểm soát là năm (05) năm, Ban kiểm soát hoạt động độc lập, có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

+ Tổng giám đốc: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Tổng giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp phát tối đa của công ty.

+ Các phó Tổng giám đốc: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ của phó Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

+ Kế toán trưởng: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Kế toán trưởng là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của công ty, đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư và phát triển công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại công ty theo pháp luật về tài chính và kế toán; có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

+ Các phòng ban, phân xưởng: Công ty có 7 phòng nghiệp vụ; 6 phân xưởng sản xuất; 1 phân xưởng TBCN chuyên gia công khuôn, gá và các chi tiết nhằm hỗ trợ sửa chữa thiết bị máy móc; 1 trung tâm dịch vụ khách hàng chuyên sửa chữa các sản phẩm và bán các chi tiết lẻ để thay thế các sản phẩm của công ty khi hết thời gian bảo hành/sản phẩm đã lâu cần phải sửa chữa, thay thế.

- Các công ty con, công ty liên kết: không có

#### **4. Định hướng phát triển**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Không ngừng cải tiến, đổi mới sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng nhằm giữ vững và phát triển thương hiệu Vinawind - Điện Cơ Thống Nhất.

+ Củng cố, mở rộng mạng lưới khách hàng và đối tác kinh doanh: Vinawind phải là thương hiệu quạt điện đứng đầu Việt Nam về thị phần, doanh thu, lợi nhuận

301  
ÔN  
CỔ  
DIỆ  
HỒN  
VG



với hệ thống phân phối trải dài khắp ba miền Bắc, Trung, Nam.

- + Chung tay thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô và đất nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - + Tập trung mở rộng thị trường miền Trung và thăm dò thị trường miền Nam.
  - + Kiện toàn và phát triển thêm các trung tâm bảo hành tại các thành phố lớn.
  - + Chuẩn hóa lại bộ máy tổ chức và nâng cao năng lực lãnh đạo của nhân viên.
  - + Hoàn thiện quy trình quản lý chất lượng sản phẩm để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao đảm bảo mức độ hài lòng của khách hàng.
- Các mục tiêu phát triển bền vững:
  - + Hiện thực hóa các mục tiêu phát triển trong ngắn, trung và dài hạn của công ty.
  - + Gắn kết các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu môi trường, an sinh xã hội và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

### **5. Các rủi ro:**

- Rủi ro về kinh tế: Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro bất lợi, do các chế độ chính sách của Nhà nước đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh còn hạn chế; Giá cả nguyên vật liệu có thể bị tác động bởi những biến động mạnh về tỷ giá dẫn đến làm tăng chi phí sản xuất của công ty; Nền kinh tế tăng trưởng chậm khiến cho nhu cầu đối với các sản phẩm quạt điện của người tiêu dùng có phần giảm so với các năm trước.

- Rủi ro về chính sách, pháp luật: Tháng 10 năm 2015, từ doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước, chuyển sang mô hình cổ phần, hoạt động của công ty chịu điều chỉnh của các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, Luật Chứng khoán, Luật doanh nghiệp và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Do đó, thời gian qua công ty luôn điều chỉnh các hoạt động, chính sách phát triển trung và dài hạn phù hợp với các chính sách mới.

- Rủi ro về cạnh tranh: Hiện nay trên cả nước có nhiều doanh nghiệp sản xuất quạt điện, những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh của công ty. Ngoài ra còn phải cạnh tranh với các sản phẩm có liên quan như quạt hơi nước, điều hoà không khí... Bên cạnh đó, công ty cũng chịu sức ép cạnh tranh từ các sản phẩm nhập khẩu, đặc biệt là trong quá trình Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

- Rủi ro đặc thù: Công ty hoạt động trong sản xuất lĩnh vực công nghiệp nên có những rủi ro về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, rủi ro cháy nổ, nếu không làm tốt công tác an toàn lao động và thực hiện bảo hiểm cho người lao động thì có thể gây ra tổn thất lớn cho công ty

- Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro trên, công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... tuy không xảy ra thường xuyên nhưng nếu xảy ra cũng sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

449  
TY  
ẤN  
CƠ  
NHÀ  
H-T.P



## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So với KH năm 2019 (%)
1	Tổng doanh thu (không kể VAT)	Tỷ đồng	1.030,65	1.065,76	103,4%
2	Số lượng sản phẩm sản xuất	chiếc	2.452.800	2.763.377	112,7%
3	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	chiếc	2.537.400	2.584.007	101,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68,8	69,76	101,4%

- Về sản lượng sản xuất: Năm 2019 công ty sản xuất được **2.763.377** sản phẩm vượt chỉ tiêu kế hoạch 12,7% (Kế hoạch sản xuất năm 2019: **2.452.800** sản phẩm)

- Về sản lượng tiêu thụ: Trong năm 2019 công ty tiêu thụ được **2.584.007** sản phẩm hoàn thành 101,8% so với kế hoạch đặt ra và tăng ~11% so với cùng kỳ năm 2018 ( năm 2018 số lượng quạt tiêu thụ đạt: **2.332.970** sản phẩm)

- Về kết quả kinh doanh: Năm 2019 doanh thu thuần đạt ~ **1.066 tỷ** đạt 103,4% so với kế hoạch và tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2018 (Năm 2018 đạt: ~ **914** tỷ đồng)

- Năm 2019 công ty ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế đạt: ~**69,8** tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch đạt ra 101,5% ( kế hoạch LNST: **68,8** tỷ đồng).

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành

- Ban điều hành công ty gồm 5 người: Tổng giám đốc, 03 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Đình Đông	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Thành Vinh	Phó TGD phụ trách phát triển sản phẩm mới
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất
4	Vũ Hải	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh
5	Nguyễn Hữu Quyết	Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch :

+ Ông **Vũ Đình Đông - Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 29/05/1972

Số CMTND: 033072003749

Cấp ngày: 12/3/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự Xã hội.

Nơi sinh: Bắc Cạn

Quê quán: Lam Sơn, Hưng Yên, Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Hội Phụ, Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội



Chỗ ở hiện tại: Hội Phụ, Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996-2010	Ford Việt Nam	Giám đốc nhà máy
2010 - 2019	Volex	Tổng giám đốc
2019 - 11/ 2019	Vinfast	Phó Tổng GD
11/2019 - Nay	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	Tổng giám đốc

Chức vụ hiện nay tại công ty: Tổng giám đốc

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

Số cổ phần nắm giữ: 0 CP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

+ Ông Vũ Hải - Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 14/10/1973

Số CMTND: 011997811 Cấp ngày 15/01/2009 Nơi cấp: CA Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Số 30-C7 tổ 48, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 30-C7 tổ 48, phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
01/01/2000- 30/5/2009	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Phó Trưởng Phòng xuất nhập khẩu
30/5/2009- 14/7/2015	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Trưởng Phòng xuất nhập khẩu
15/7/2015- 22/11/2015	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Phụ trách Ban kinh doanh XNK
23/11/2015 đến nay	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ	Tổng Giám đốc
09/8/2018 – 2/1/2019	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	Tổng Giám đốc
3/1/2019 đến nay	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	Thành viên HĐQT, PTGD phụ trách kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc  
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Tổng giám đốc công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ.

Số cổ phần nắm giữ: 0 CP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

+ Ông Nguyễn Thành Vinh - Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 04/3/1963

Số CMTND: 011551036

Cấp ngày 17/3/2009

Nơi cấp: CA Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: P206 C4 tập thể Trung tự, quận Đống Đa, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: số 16 phố Yên Lạc, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/1986 - 9/2000	Công ty Điện Cơ Thống Nhất	Kỹ sư thiết kế
10/2000 - 8/2001	Công ty Điện Cơ Thống Nhất	Phó phòng Kỹ thuật
8/2001 - 11/2001	Công ty Điện Cơ Thống Nhất	Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật
12/2001 - 8/2003	Công ty Điện Cơ Thống Nhất	Trưởng phòng Kỹ thuật
5/2003 - 7/2015	Công ty TNHH một thành viên Điện Cơ Thống Nhất	- Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc công ty
7/2015 - 5/2018	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	- Phó Bí thư Đảng ủy - Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc
6-2018 - 8/2018	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	- Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc
9/2018 đến nay	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	- Bí thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc
7/2015 đến nay	Đảng ủy khối Doanh nghiệp Hà Nội	- Ủy viên BCH Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ: 7.700 CP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không



Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

+ Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 11/7/1967

Số CMTND: 001067002069

Cấp ngày 22/01/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: 27 Hàng Ngang, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: số nhà 8A2, ngõ 29, phố Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1989 - 10/2000	Công ty Điện Cơ Thống Nhất	Kỹ sư thiết kế, KTV
10/2000 - 10/2003	Công ty Điện Cơ Thống Nhất	Phó phòng KCS
10/2003 - 8/2004	Công ty Điện Cơ Thống Nhất	Trưởng phòng Kỹ thuật
8/2004 - 7/2005	Công ty Điện Cơ Thống Nhất	Phó giám đốc
7/2005 - 01/2010	Công ty TNHH một thành viên Điện Cơ Thống Nhất	Phó Tổng giám đốc công ty
1/2010 - 7/2015	Công ty TNHH một thành viên Điện Cơ Thống Nhất	Phó Tổng giám đốc công ty Thường vụ Đảng ủy công ty Chủ tịch Công đoàn công ty
7/2015 - 5/2018	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng giám đốc công ty Thường vụ Đảng ủy công ty Chủ tịch Công đoàn công ty
6/2018 đến nay	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	Phó Tổng giám đốc công ty Thường vụ Đảng ủy công ty Chủ tịch Công đoàn công ty
10/2012 đến nay	Công đoàn Ngành Công thương Hà Nội	Ủy viên Thường vụ Công đoàn Ngành Công thương Hà Nội

Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Ủy viên Thường vụ Công đoàn Ngành Công thương Hà Nội.

Số cổ phần nắm giữ: 4.900 CP.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

**+ Ông Nguyễn Hữu Quyết - Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 04/8/1978

Số CMTND: 030078007199

Cấp ngày 12/11/2019

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi sinh: Hải Dương

Quê quán: Phường Đồng Lạc, Thành phố Chí Linh, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Số 23 TT6.1 Khu đô thị Ao Sao, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 23 TT6.1 Khu đô thị Ao Sao, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/2016 – 7/2018	Công ty CP Liên hiệp XNK và Đầu tư Hà Nội (UNIMEX HANOI)	Kế toán trưởng
6/2015 – 9/2019	Công ty cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro	Thành viên HĐQT
8/2018 đến nay	Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất	Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: không có

Số cổ phần nắm giữ: 0 CP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm công ty có sự thay đổi nhân sự của Ban điều hành, cụ thể như sau:

- Căn cứ theo Nghị quyết số 173/NQ-ĐCTN-HĐQT ngày 02/1/2019, HĐQT đã thực hiện:

+ Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của ông Vũ Hải từ ngày 03/1/2019 theo nguyện vọng cá nhân.

+ Bổ nhiệm ông Lê Văn Hoài giữ chức vụ Tổng giám đốc công ty từ ngày 03/01/2019.

- Căn cứ theo Nghị quyết số 196/NQ-ĐCTN-HĐQT ngày 20/3/2019, HĐQT đã thực hiện:





+ Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của ông Lê Văn Hoài từ ngày 20/3/2019 theo nguyện vọng cá nhân.

+ Bổ nhiệm ông Bùi Huy Chiến giữ chức vụ Tổng giám đốc công ty từ ngày 20/3/2019.

- Căn cứ theo Nghị quyết số 262/NQ-ĐCTN-HĐQT ngày 18/11/2019, HĐQT đã thực hiện:

Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Bùi Huy Chiến, bổ nhiệm Tổng giám đốc Vũ Đình Đông và là người đại diện theo pháp luật của công ty từ ngày 18/11/2019

### 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

a, Số lao động của công ty tại thời điểm 31/12/2019 là **1.125** lao động:

TT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
1.	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>1.125</b>	<b>100%</b>
1.1	Trình độ đại học và trên đại học	124	11,02%
1.2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật	886	78,76%
1.3	Sơ cấp	106	9,42%
1.4	Lao động khác	9	0,80%
2	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>1.125</b>	<b>100%</b>
2.1	Nam	736	65,42%
2.2	Nữ	389	34,58%
3.	<b>Phân theo hợp đồng lao động</b>	<b>1.125</b>	<b>100%</b>
3.1	Hợp đồng không xác định thời hạn	960	85,33%
3.2	Hợp đồng có thời hạn 1 năm	145	12,89%
3.3	Hợp đồng thời vụ	20	1,78%

b, Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Công ty đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định, chi trả tiền lương ốm, thai sản, phép, lễ tết cho người lao động.

- Thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường độc hại như phát sữa; ngoài ra, khi thời tiết nắng nóng từ 35°C, công ty tổ chức phát sữa và đun nước sôi giải khát cho tất cả người lao động trong công ty.

- Thực hiện đánh giá lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và tay nghề để xét nâng bậc lương cho người lao động.

- Hàng năm, công ty tổ chức sơ kết, tổng kết khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã đóng góp cho công ty. Mức

khen thưởng phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, cá nhân người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không  
b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

### 4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính:

Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất (2018-2019) của công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	576.912	722.855	25,3%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	904.795	1.056.693	16,8%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	102.202	87.032	-14,8%
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	6.871	523	-92,4%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	109.072	87.555	-19,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	83.245	69.764	-16,2%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	30%	12%	-18%

(Ghi chú: Mức chi trả cổ tức năm 2019 tạm tính theo số kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua là 12%. Tỷ lệ chi trả thực tế năm 2019 sẽ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua)

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,44	1,38	
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,28	0,50	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,1%	65,0%	
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	144,5%	185,7%	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,87	2,27	
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,57	1,46	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	9,2%	6,6%	
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	35,3%	27,6%	
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	14,4%	9,7%	
	- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,3%	8,2%	



**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- a) Cổ phần: - Số lượng cổ phần: 14.300.000 cổ phần  
 - Mệnh giá: 10.000đ/ 1 cổ phần  
 - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng
- b) Cơ cấu cổ đông: Đến ngày 31/12/2019, công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất có 845 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể theo từng tiêu chí như sau:

TT	Tiêu chí	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>				
1	Cổ đông lớn	4	8.944.715	89.447.150.000	62,55%
2	Cổ đông nhỏ	615	5.355.285	53.552.850.000	37,45%
<b>II</b>	<b>Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân</b>				
1	Cổ đông tổ chức	2	6.466.200	64.662.000.000	45,22%
2	Cổ đông cá nhân	617	7.833.800	78.338.000.000	54,78%
<b>III</b>	<b>Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài</b>				
1	Cổ đông trong nước	619	14.300.000	143.000.000.000	100,00%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0,00%
	<b>Tổng</b>	<b>837</b>	<b>14.300.000</b>	<b>143.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không  
 d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không  
 e) Các chứng khoán khác: Không

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Các loại nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất là:

TT	Tên nguyên vật liệu, nhiên liệu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Thép lá các loại	kg	5.433.655,80	7.538.795,40	38,74%
2	Thép trục các loại	-	49.842,00	114.566,00	129,86%
3	Thép ống các loại	-	379.723,45	603.840,00	59,02%
4	Dây thép các loại	-	809.139,10	936.949,60	15,80%
5	Nhôm thỏi các loại	-	1.144.060,00	1.475.187,90	28,94%
6	Nhôm lá các loại	-	500.985,00	530.715,00	5,93%
7	Dây emay các loại	-	351.128,95	785.740,70	123,78%
8	Vòng bi các loại	-	1.573.060,00	2.110.560,00	34,17%
9	Tụ điện các loại	-	906.939,00	3.343.910,00	268,70%
10	Nhựa các loại	-	491.282,64	527.450,00	7,36%

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *không có*

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

TT	Tên năng lượng	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng trong năm 2019	Ghi chú
1	Điện năng	kWh	6.407.400,00	
2	Khí hóa lỏng (gas)	kg	121.173,90	
3	Mỡ các loại	kg	1.080,00	
4	Dầu diezzen	lít	7.600,00	
5	Dầu CN khác	lít	44.170,00	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (*cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo*); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

### 6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Năm 2019, tổng lượng nước công ty sử dụng là 43.850m<sup>3</sup>. Lưu lượng nước sử dụng trung bình 120,1 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cụ thể:

- Tại cơ sở Hà Nội.

+ Nguồn nước sử dụng trong công ty được cung cấp từ Nhà máy nước Tương Mai. Sử dụng vào các mục đích: phục vụ sinh hoạt cho CBCNV trong công ty, phục vụ sản xuất, làm mát và cải tạo sửa chữa nhà xưởng.

Tổng khối lượng nước sạch sử dụng năm 2019: 41.885 m<sup>3</sup> (*Số liệu theo hóa đơn nước sạch đầu vào*).

+ Công ty không khai thác nguồn nước mặt, nước ngầm.

- Tại cơ sở Hà Nam

+ Nguồn nước sử dụng trong công ty được cung cấp từ Công ty cổ phần cấp nước SETFIL Hà Nam. Sử dụng vào mục đích phục vụ sinh hoạt cho CBCNV trong công ty (gồm nhà vệ sinh, bếp ăn tập thể, rửa tay, nước uống,...); phục vụ sản xuất; chống nóng, cải tạo sửa chữa nhà xưởng...

Tổng khối lượng nước sạch sử dụng năm 2019: 1.965 m<sup>3</sup> (*Số liệu theo hóa đơn nước sạch đầu vào*).

+ Công ty không khai thác nguồn nước mặt, nước ngầm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty không tái chế và tái sử dụng nước thải.



#### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Năm 2019 công ty không bị phạt.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Năm 2019 công ty không bị phạt.

#### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động thực tế sử dụng bình quân: 1.051 người.
- Tiền lương bình quân: 10.413.156đ/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động. Công ty sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi đúng mục đích nhằm động viên khen thưởng khuyến khích kịp thời tạo động lực cho người lao động, thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:  
+ Đào tạo tuyển dụng mới lao động chưa có nghề: mỗi người 1 ngày, đào tạo nghề 3 tháng.

+ Đào tạo ATLĐ-PCCC định kỳ: từ 8 giờ-16 giờ tùy vào từng nhóm đối tượng.

+ Đào tạo tại chỗ: trung bình 1 giờ/người/đợt

+ Đào tạo nội bộ: 01 giờ đến 3 ngày/người/ đợt tùy vào nội dung đào tạo.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Đào tạo cập nhật chính sách mới; luân chuyển công việc, đào tạo cấp chứng chỉ vận hành các thiết bị nghiêm ngặt....

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty có các hoạt động phối hợp với địa phương như; Thường xuyên phối hợp với công an Phường, Khu công nghiệp đảm bảo ANTT trên địa bàn, triển khai các kế hoạch cụ thể như diễn tập các tình huống PCCC tại công ty, tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, thông tin tuyên truyền về công tác PCCC do công an Quận hoặc Khu công nghiệp tổ chức. Công ty làm tốt công tác đền ơn, đáp nghĩa như ủng hộ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, phát tâm công đức xây dựng nhà Tam bảo chùa Hưng Phúc, Bắc Ninh....

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2019 là một năm đầy biến động và khó khăn của Vinawind khi công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước,



cũng như các tác động tiêu cực của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên với sự nỗ lực điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã cơ bản hoàn thành được các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đã đặt ra, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	So với KH năm 2019 (%)	So với năm 2018 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.030,65	1.065,76	914,3	103,4%	116,6%
2	Số lượng sản phẩm sản xuất	chiếc	2.452.800	2.763.377	2.552.218	112,7%	108,3%
3	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	chiếc	2.537.400	2.584.007	2.332.970	101,8%	110,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68,8	69,8	83,2	101,4	83,8%
5	Thu nhập BQ 1 người/tháng	Tr,đồng	9,578	10,413	9,4	108,7%	111,1%

- **Năm 2019 Công ty ghi nhận mức tổng doanh thu ~ 1.065,76 tỷ** tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2018 và tăng 3,4% so với năm kế hoạch năm 2019 đã được ĐHCĐ thông qua.

- **Về tiêu thụ sản phẩm:** Công ty đã triển khai khá tốt phương án tiêu thụ sản phẩm, gắn kết quả bán hàng với thu nhập của nhân viên phòng Tiêu thụ, Sản phẩm của công ty đã có mặt trên thị trường hầu hết các tỉnh Miền Bắc, một số tỉnh Miền Trung.

- **Về công tác chất lượng sản phẩm:** Công ty đã triển khai và đưa vào sản xuất nhiều công nghệ cải tiến, nhằm tăng năng suất lao động, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật tư,

- **Về công tác tài chính:** Luôn đảm bảo cân đối nguồn vốn cho sản xuất - kinh doanh, Thường xuyên rà soát giá thành làm cơ sở xây dựng giá bán kịp thời theo sự biến động của thị trường, Ngoài ra công tác hạch toán, kế toán được thực hiện nghiêm túc theo chế độ quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty và quy chế quản lý tài chính công ty. Các chỉ số về hiệu quả tài chính luôn duy trì ở mức cao so với các công ty sản xuất cùng ngành, cụ thể như sau: ROE (LN sau thuế/Vốn chủ SH) luôn duy trì ở mức trên 27%, ROA (LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân) trên 9,5%

- **Về công tác đời sống xã hội:** Công ty lo đủ việc làm thường xuyên và ổn định cho 100% người lao động có tên trong danh sách và thực hiện tốt chính sách đối với người lao động; 100% người lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN; Bảo hiểm rủi ro 24/24h; Trích nộp phí Công đoàn (2%) theo đúng quy định của Nhà nước.



## 2. Tình hình tài chính

### a, Tình hình tài sản

#### ⚡ Tình hình biến động tài sản

TT	NỘI DUNG	Năm 2018		Năm 2019		Chênh lệch	
		Giá trị (Tr,đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr,đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr,đ)	% tăng giảm
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>489.480</b>	<b>84,8%</b>	<b>650.133</b>	<b>89,9%</b>	<b>160.653</b>	<b>32,8%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.440	0,8%	26.518	3,7%	22.078	497,2%
2	Các khoản đầu tư tài chính	70.009	12,1%	70.009	9,7%	-	0,0%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	20.151	3,5%	140.388	19,4%	120.237	596,7%
4	Hàng tồn kho	389.213	67,5%	402.463	55,7%	13.251	3,4%
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.667	1,0%	10.754	1,5%	5.088	89,8%
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>87.432</b>	<b>15,2%</b>	<b>72.722</b>	<b>10,1%</b>	<b>(14.710)</b>	<b>-16,8%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		0,0%		0,0%		
2	Tài sản cố định	52.178	9,0%	38.365	5,3%	(13.813)	-26,5%
3	Bất động sản đầu tư		0,0%		0,0%		
4	Tài sản dở dang dài hạn		0,0%		0,0%		
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		0,0%		0,0%		
6	Tài sản dài hạn khác	35.254	6,1%	34.357	4,8%	(898)	-2,5%
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>576.912</b>	<b>100,0%</b>	<b>722.855</b>	<b>100,0%</b>	<b>145.943</b>	<b>25,3%</b>

Tổng tài sản năm 2019 tăng 25,3% so với năm 2018 tương ứng với tăng ~146 tỷ đồng, Trong đó tài ngắn hạn tăng 32,8% tương ứng với 160 tỷ đồng và tài sản dài hạn giảm 16,8% tương ứng với giảm 14,7 tỷ đồng, Chi tiết 1 số nội dung chính như sau:

- Các khoản tương đương tiền năm 2019 tăng 22 tỷ đồng so với năm 2018 tương ứng với tăng 497%, Do chính sách bán hàng thu tiền trước nên công ty có nguồn tiền tương đối dồi dào,
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 120 tỷ đồng tương ứng với tăng 597% so với năm 2018
- Trong năm 2019 công ty chỉ đầu tư bổ sung một số máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, Mặt khác phần lớn tài sản cố định của công ty đã hết khấu hao nên tài sản cố định giảm mạnh 13,8 tỷ đồng tương ứng với giảm 26,5%,

#### ⚡ Các chỉ tiêu liên quan đến hiệu quả sử dụng TSCĐ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018(lần)	Năm 2019(lần)
1	Hệ số vòng quay tài sản	1,6	1,6
2	Hiệu suất sử dụng tài sản cố định (DT thuần/TSCĐ BQ)	17,3	27,5

- Qua bảng phân tích thì năm 2019 công ty sử dụng hiệu quả tài sản cố định hơn so với năm 2018, thể hiện ở mức hiệu suất sử dụng TSCĐ năm 2019 là 27,5 (lần) cao gần gấp đôi so với năm 2018 (năm 2018: 17,3 lần),



b, Tình hình nợ phải trả

✦ Tình hình biến động nợ phải trả

TT	NỘI DUNG	Năm 2018		Năm 2019		Chênh lệch	
		Giá trị (Tr,đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr,đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr,đ)	% tăng giảm
<b>I</b>	<b>NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>340.981</b>	<b>100,0%</b>	<b>469.843</b>	<b>100,0%</b>	<b>128.862</b>	<b>37,8%</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	50.004	14,7%	74.187	15,8%	24.183	48,4%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.117	3,6%	32.112	6,8%	19.995	165,0%
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	16.565	4,9%	5.830	1,2%	(10.735)	-64,8%
4	Phải trả người lao động	18.443	5,4%	12.634	2,7%	(5.809)	-31,5%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	191	0,1%	451	0,1%	259	135,6%
6	Phải trả ngắn hạn khác	341	0,1%	8.393	1,8%	8.052	2362,4%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	181.877	53,3%	273.983	58,3%	92.106	50,6%
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	58.578	17,2%	57.472	12,2%	(1.107)	-1,9%
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.864	0,8%	4.781	1,0%	1.918	67,0%
<b>II</b>	<b>NỢ DÀI HẠN</b>	-	0,0%	-	0,0%	-	
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	0,0%	-	0,0%	-	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>340.981</b>	<b>100,0%</b>	<b>469.843</b>	<b>100,0%</b>	<b>128.862</b>	<b>37,8%</b>

Tổng nợ phải trả năm 2019 tăng 37,8% so với năm 2018 tương ứng với tăng ~129 tỷ đồng, Chi tiết các khoản biến động lớn như sau:

• Khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng ~24,1 tỷ đồng so với năm 2018 tương ứng với tăng 24,1%, Tất cả các khoản phải trả nhà cung cấp vật tư, bán thành phẩm phục vụ sản xuất đều nằm trong thời gian công nợ cho phép đã ký kết theo hợp đồng,

• Khoản người mua trả tiền trước tăng ~20 tỷ đồng so với năm 2018 tương ứng với tăng 165%, Đây là những khoản tiền các nhà phân phối đặt cọc để mua sản phẩm của công ty,

• Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng ~92,1 tỷ đồng tương ứng với tăng 50,6%, Đây là các khoản vay để thanh toán cho các nhà cung cấp vật tư, bán thành phẩm của công ty, Với kết quả kinh doanh tốt, cơ cấu dòng tiền ổn định nên công ty vẫn kiểm soát tốt các hoạt động vay và trả nợ ngân hàng đúng thời hạn,

✦ Các khoản nợ xấu ảnh hưởng tới KQKD của công ty: Trong năm 2019, công ty không có các khoản nợ xấu gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh,

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Lãnh đạo công ty luôn chỉ đạo và giám sát các đơn vị tham mưu, chủ động cân đối năng lực sản xuất hiện có nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của kế hoạch sản xuất.

Ban Tổng giám đốc duy trì các cuộc họp giao ban vào thứ hai đầu tuần, đưa ra các ý kiến chỉ đạo kịp thời cho các đơn vị về điều hành sản xuất, nhu cầu lao động, vật tư bán thành phẩm, thiết bị máy móc tại các đơn vị... thực hiện tốt các mục tiêu,



chính sách chất lượng đã đề ra, thực hiện chính sách quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực quản lý.

#### **4. Kế hoạch phát triển năm 2020**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	So với TH 2019 (%)
1.	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.109	105%
2.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	98,71	112,7%
3.	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	Theo quy định của Nhà nước	
4.	Tiền lương bình quân 1 người 1 tháng	Tr. đồng	10,545	101,27%

**5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

*a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường*

Công ty đã sử dụng nước, năng lượng một cách tiết kiệm, hiệu quả. Xử lý chất thải tốt không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

*b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*

- Công ty luôn quan tâm đến điều kiện làm việc của người lao động: như trang bị hệ thống làm mát, thông gió cho phân xưởng, có nhà vệ sinh theo đúng quy định, có phòng thay đồ riêng cho lao động nam và lao động nữ.

- Trang bị và cấp phát bảo hộ lao động cho người lao động theo đúng quy định.

*c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*

Thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, tích cực tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo...ngoài ra, công ty còn ưu tiên tuyển dụng lao động là con, em người lao động trong công ty.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiếp tục vai trò quản lý, giám sát tính hiệu quả trong hoạt động của công ty để đảm bảo các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ theo pháp luật và Điều lệ công ty, các chính sách và định hướng hoạt động tuân thủ đúng các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty đã đề ra rất nhiều giải pháp nhằm cải tiến công tác kỹ thuật, nâng cao năng suất chất lượng, giảm hao phí lao động, vật tư bán thành phẩm, văn phòng phẩm nhằm quản lý chặt chẽ trong sử dụng và tái sử dụng, giảm chi phí để đảm bảo duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Ban điều hành còn đề ra biện pháp kiểm tra chặt chẽ việc ra vào cổng của người lao động nhằm hạn chế tối đa việc thất thoát tài sản của công ty.

01004  
ÔNG T  
:Ồ PHÁP  
DIỆN C  
IÔNG NH  
VG MAI-

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy định, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của Nhà Nước, nỗ lực triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Mặc dù có nhiều khó khăn trong năm vừa qua nhưng Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng đóng góp cho việc hoạt động kinh doanh của Công ty như: đảm bảo được đầu ra, duy trì doanh thu, bù đắp các chi phí hợp lý.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ công ty và trách nhiệm từng thành viên của Hội đồng Quản trị đã được phân công, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban điều hành bảo đảm mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại đại hội.

- Họp Hội đồng Quản trị quý 1 lần, đột xuất khi cần thiết, đề ra chủ trương biện pháp lớn để giải quyết công việc đã đề ra trong năm kế hoạch và những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện các quy chế quản lý trong công ty, nếu thấy không phù hợp hoặc chế độ chính sách Nhà nước thay đổi, tiến hành sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp đáp ứng yêu cầu thực tế đòi hỏi và hiệu quả kinh tế cho công ty.

## V. Báo cáo tài chính

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty đã được kiểm toán soát xét.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đình Đông

